

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG**

\*\*\*\*\*

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG**  
**VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG**  
**(Sửa đổi lần 1)**

**HẢI PHÒNG, THÁNG 04/2017**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG**

\*\*\*\*\*

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG**  
**VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG**  
**(Sửa đổi lần 1)**

**HẢI PHÒNG, THÁNG 04/2017**

## MỤC LỤC

### CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

### CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

### CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

### CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 6: Chứng nhận cổ phiếu

Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần

Điều 9: Thừa kế cổ phần

Điều 10: Thu hồi cổ phần

Điều 11: Quyền của cổ đông

Điều 12: Nghĩa vụ của cổ đông

### CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 13: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Điều 14: Đại hội đồng cổ đông

Điều 15: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16: Các đại diện được ủy quyền

Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 18: Các điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 20: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 22: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

### CHƯƠNG VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HDQT)

Điều 24: Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

Điều 25. Tiêu chuẩn thành viên HDQT và điều kiện đề cử vào thành viên HD quản trị

Điều 26: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

Điều 27: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 28: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 29: Quyền được cung cấp thông tin

Điều 30: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung hội đồng quản trị

Điều 31. Người đại diện theo pháp luật

### CHƯƠNG VII. BAN KIỂM SOÁT

Điều 32: Ban kiểm soát

Điều 33: Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

Điều 34: Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

Điều 35: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Ban kiểm soát

Điều 36: Tiền lương và quyền lợi khác của Ban kiểm soát



## CHƯƠNG VIII: TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY, TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 37: Tổ chức bộ máy

Điều 38: Cán bộ quản lý

Điều 39: Tổng Giám đốc

Điều 40: Thư ký Hội đồng quản trị

Điều 41: Trách nhiệm cẩn trọng, trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 42: Trách nhiệm về bồi thường thiệt hại

Điều 43: Công khai các lợi ích có liên quan

Điều 44: Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp nhận

Điều 45: Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

Điều 46: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

## CHƯƠNG IX: LAO ĐỘNG VÀ TUYỂN DỤNG

Điều 47: Lao động và tuyển dụng

Điều 48: Tiền lương của người lao động

Điều 49: Trách nhiệm và quyền lợi của người lao động

## CHƯƠNG X. TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 50: Năm Tài chính

Điều 51: Quyết toán và kế hoạch tài chính

Điều 52: Chế độ kế toán

Điều 53: Phân phối lợi nhuận sau thuế và lập các quỹ phúc lợi

Điều 54: Xử lý lỗ trong kinh doanh

## CHƯƠNG XI. TRANH CHẤP, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN

Điều 55: Giải quyết tranh chấp

Điều 56: Giải thể Công ty

Điều 57: Thanh lý

Điều 58: Phá sản

## CHƯƠNG XII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 59: Điều khoản thi hành

Điều 60: Con dấu

Điều 61: Tuân thủ pháp luật

Điều 62: Báo cáo hàng năm

Điều 63: Công khai thông tin về Công ty cổ phần

Điều 64: Giải quyết tranh chấp

Điều 65: Hiệu lực của Điều lệ



*Deleap*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ**  
**DU LỊCH HẢI PHÒNG**

---

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 25/3/2014 của UBND thành phố Hải Phòng về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng;

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng đã nhất trí thông qua nội dung của bản Điều lệ và cùng cam kết thực hiện nghiêm chỉnh những quy định trong bản Điều lệ này.

Bản Điều lệ này chi phối toàn bộ những vấn đề về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng.

**CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

**Điều 1. Định nghĩa**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định Điều 5 Điều lệ này;
  - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
  - c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;



020  
NG  
PH  
NH  
CÔ  
HV  
PH  
CÔ

d. "*Cán bộ quản lý*" là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;

đ. "*Người có liên quan*" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;

e. "*Thời hạn hoạt động*" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (*Chương, Điều của Điều lệ này*) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (*nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh*) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG**
- Tên tiếng Anh : **HAI PHONG PUBLIC WORKS AND TOURISM SERVICES JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **HAPUTOU**

2. Công ty cổ phần Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng, được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng – trước đây là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hải Phòng thành Công ty cổ phần. Công ty có vốn điều lệ thuộc sở hữu các cổ đông của Công ty, được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó. Công ty hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty; Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị

định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 và trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

– Số 8 khu I Vạn Sơn, phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

– Điện thoại: (031) 3 861 384

– Fax: (031) 3 865 026

– Website: CTCC.com.vn Email: congtyCTCCvaDVDL@gmail.com

– Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

### **CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, sức cạnh tranh nhằm phát triển ổn định, bền vững, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính năm sau cao hơn năm trước, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động, mang lại lợi ích tối đa cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

<b>STT</b>	<b>TÊN NGÀNH</b>	<b>MÃ NGÀNH</b>
1	Trồng hoa, cây cảnh	01183(chính)
2	Trồng cây hàng năm	0119
3	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
4	Thoát nước	3700
5	Thu gom rác thải không độc hại	3811
6	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
7	Xây dựng nhà các loại	4100
8	Xây dựng công trình đường bộ	4210
9	Xây dựng công trình công ích	4220
10	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: xây dựng công trình giao thông, thủy lợi	4290



STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
11	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện chiếu sáng công cộng, điện các công trình công nghiệp	4321
12	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng kè biển, kè chắn núi, kè sông hồ, kè đê	4390
13	Bán buôn hoa và cây	4620
14	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Trông coi xe ô tô, xe đạp, xe máy	5221
15	Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
16	Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	5610
17	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: hàng tươi sống hải sản	5629
18	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng đi thuê	6810
19	Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác Chi tiết: Thiết kế kết cấu các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, giao thông đường bộ, cầu, hầm; Khảo sát địa hình các công trình xây dựng	7110
20	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề Chi tiết: Đu quay, đu quay lệch tâm, ô tô điện, tàu du lịch	9321
21	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động kéo dù bay trên biển, cho thuê xe đạp, xe ô tô điện, tàu du lịch	9329
22	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
23	Hoạt động dịch vụ tang lễ	9632

#### **Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành nói chung và các quy định của pháp luật về quản lý phân vốn Nhà nước tại doanh nghiệp nói riêng và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



## CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

### Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **20.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **2.000.000 cổ phần** với mệnh giá là 10.000 đồng (Bằng chữ: Mười nghìn đồng).

2. Việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là toàn bộ cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có quyền chào bán số cổ phần còn lại đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác hoặc cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Điều 129, Điều 130 Luật doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Công ty không đăng ký cổ đông sáng lập.

### Điều 6: Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu



phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần đồng thời cổ đông phải cam kết chứng nhận cổ phiếu thực sự bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy; chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới và thực hiện thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

#### **Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

#### **Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này. Các cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng phải được nêu rõ trong giấy chứng nhận cổ phiếu của cổ phần tương ứng. Cổ phiếu Công ty sau khi được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Đối với cổ phần ưu đãi người lao động mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần, chỉ được chuyển nhượng sau khi kết thúc thời gian cam kết.

Trường hợp Công ty thực hiện tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho Công ty số cổ phần này thì Công ty có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.

Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho Công ty cổ phần toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa.

3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

4. Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu năm (05) năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **Điều 9: Thừa kế cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:

- a. Người thừa kế duy nhất theo luật định;
- b. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.

2. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

3. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

4. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, đồng thời thực hiện nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.

5. Việc chuyển nhượng, thừa kế cổ phần chỉ được Công ty công nhận sau khi đã đăng ký tên, địa chỉ của người nhận chuyển nhượng, thừa kế vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

## **Điều 10: Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu. Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và lãi suất tương đương lãi suất tiền vay ngân hàng tại thời điểm trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là tài sản của công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không vi phạm pháp luật hiện hành.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ lãi suất cho vay 12 tháng của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi và ngay sau khi thông báo thanh toán đã hết hạn nhưng không được thực hiện việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## **Điều 11: Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã thanh toán đủ số cổ phần đã mua và thông tin của cổ đông được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.

2. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản, tài chính khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

3. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông, hoặc thông qua đại diện được uỷ

quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Được nhận cổ tức theo tỷ lệ vốn góp với mức theo quyết định của Đại hội cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 8 Điều lệ này;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 25 và Khoản 3 Điều 32 Điều lệ này;

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp;

c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;



e. Các quyền khác được quy định tại Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 12: Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

2. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

3. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật và điều lệ Công ty quy định. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Cung cấp địa chỉ, thông tin chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

## **CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG**

### **Điều 13: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị;

3. Ban kiểm soát;

#### 4. Tổng Giám đốc điều hành.

### **Điều 14: Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường ít nhất mỗi năm một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải trên lãnh thổ Việt nam.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có thể gia hạn theo đề nghị của Hội đồng quản trị, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng thư căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; căn cứ và lý do, mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng, các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý lãnh đạo công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp, hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

5. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

0200  
NGT  
PHAI  
KHCON  
HVDI  
PHOI  
IOH

*Trần Văn*

a. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c, điểm d và Điểm e Khoản 4 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

6. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

7. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 6 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

8. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 7 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí trên không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 15: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty;
- e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
- f. Mức cổ tức với mỗi cổ phần của từng loại;
- g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:



- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
  - b. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
  - c. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp với kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh của công ty và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
  - d. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
  - e. Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính công ty;
  - f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - g. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị. Quyết định lương thưởng và lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - h. Thông qua chiến lược phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - i. Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
  - j. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại, được quyền chào bán, chuyển nhượng cổ phần cam kết trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
  - k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty;
  - l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
  - m. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
  - n. Quyết định mua lại hơn 10% một loại cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
  - p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại điểm o Khoản 2 Điều 15 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông.



4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 16: Các đại diện được ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

**Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chương trình họp, nội dung họp và các tài liệu họp theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

c. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

e. Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười ngày (10) trước ngày khai mạc.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ hoặc thông tin tương đương và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 3 Điều này trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có từ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;

d. Các trường hợp khác quy định tại Luật doanh nghiệp.

5. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

6. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

#### **Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết để tiến hành cuộc họp trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, người triệu tập cuộc họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai (02) chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội lần thứ hai theo quy định tại khoản 2 Điều này, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

#### **Điều 19: Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Vào ngày khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập, trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết đến địa điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.

9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.



## **Điều 20: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất kiểm toán của Công ty; Tổ chức lại, giải thể Công ty được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông;

2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận

3. Đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì các vấn đề được thông qua khi có ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ này.

## **Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến

được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty theo một trong các hình thức sau:

a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

5. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;



g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 22: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau giữa về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông. Biên bản lập và phải có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp, văn bản ủy quyền tham dự và tài liệu gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng, cổ đông, nhóm



cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trừ các trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 17 Điều lệ này.

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác.

## CHƯƠNG VI.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

#### **Điều 24: Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị**

1. HĐQT là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

#### **Điều 25: Tiêu chuẩn thành viên HĐQT và điều kiện đề cử vào thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn là cử nhân hoặc kỹ sư, ưu tiên người có kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty.

c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác.

02005  
NG TY  
PHÂN  
KH CÔNG T  
H VU DUL  
PHÒNG  
TỔ H A

d. Đối với công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

2. Các cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử, ứng cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

a. Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử, ứng cử tối đa một (01) ứng viên;

b. Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử, ứng cử tối đa hai (02) ứng viên;

c. Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử, ứng cử tối đa ba (03) ứng viên;

d. Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử, ứng cử tối đa bốn (04) ứng viên;

e. Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử, ứng cử tối đa năm (05) ứng viên.

#### **Điều 26: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất

của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k. Phê duyệt các Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng giao dịch tài chính. Hợp đồng tuyển dụng lao động, các văn bản, quyết định, quy định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua theo đúng quy định.

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

n. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

3. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản



tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

### **Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau.

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông; Chỉ đạo lập báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành lên Đại hội đồng cổ đông;

b) Lập chương trình, kế hoạch làm việc của Hội đồng quản trị; phân công các thành viên Hội đồng quản trị kiểm tra giám sát mọi hoạt động SXKD của Công ty.

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm thay mặt Hội đồng quản trị ký hoặc phê duyệt các Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng giao dịch tài chính. Hợp đồng tuyển dụng lao động, các văn bản, quyết định, quy định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua theo đúng quy định;

c) Chuẩn bị, chỉ đạo chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

d) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Phê duyệt dự án đầu tư đã được Hội đồng quản trị thông qua;

g) Phê duyệt quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc; Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác tại Công ty sau khi được Hội đồng quản trị thông qua.

h) Phê duyệt phương án lao động, tuyển dụng lao động trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc;

i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị mất khả năng làm việc hoặc

không ủy quyền cho một thành viên khác thay thế khi vắng mặt thì Hội đồng quản trị phải bầu ra một thành viên trong Hội đồng quản trị tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị (theo nguyên tắc đa số, quá bán).

#### **Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát.

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc và ít nhất 05 cán bộ quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 03 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng buu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Nghị quyết văn bản. Nghị quyết văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- a) Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- b) Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị;

Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký.

12. Biên bản cuộc họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản Họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và phải có đầy đủ nội dung theo quy định như sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa của người ghi biên bản.

13. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 29. Quyền được cung cấp thông tin**

1. Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Người quản lý phải cung cấp kịp thời, đầy đủ chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

3. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin của Thành viên HĐQT và người quản lý được yêu cầu như sau:

- Thành viên HĐQT gửi văn bản yêu cầu cung cấp thông tin đến chủ tịch HĐQT. Văn bản yêu cầu phải đảm bảo các nội dung sau: Họ tên, địa chỉ, số CMTND, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của thành viên HĐQT/ Thông tin/hồ sơ cần cung cấp, căn cứ và lý do yêu cầu cung cấp thông tin. Kèm theo yêu cầu cung cấp thông tin phải có các tài liệu, chứng cứ và các thông tin cần cung cấp nghi ngờ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc ảnh hưởng đến quyền lợi của cổ đông.

- Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu cung cấp thông tin, Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm triệu tập HĐQT và người quản lý được yêu cầu cung cấp thông tin để đánh giá yêu cầu cung cấp thông tin của thành viên HĐQT và

quyết định việc cung cấp/không cung cấp thông tin trên căn cứ đánh giá của HĐQT về các thông tin cần cung cấp.

- Sau khi HĐQT họp để thông qua văn bản yêu cầu cung cấp thông tin của thành viên HĐQT. Trong trường hợp HĐQT quyết định cung cấp thông tin và hồ sơ theo yêu cầu của thành viên HĐQT, người quản lý được yêu cầu cung cấp thông tin phải thực hiện việc cung cấp hồ sơ và thông tin theo yêu cầu chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định của HĐQT.

- Việc yêu cầu cung cấp thông tin của thành viên HĐQT theo quy định tại khoản này phải đảm bảo không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

### **Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.**

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này;

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức;

d) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và có kết luận bằng chứng của cơ quan chuyên môn chứng minh thành viên đó không có năng lực hành vi;

đ) Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các công việc không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.

g) Thành viên là cổ đông được ủy quyền của tổ chức nhưng không được tổ chức đó ủy quyền nữa. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kéo dài thời gian làm việc sau khi hết tuổi nghỉ hưu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu và Đại hội đồng cổ đông không có ý kiến khác. Nhưng thời gian kéo dài không quá 2/3 nhiệm kỳ hoặc tối đa tới hết nhiệm kỳ còn lại.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.



### **Điều 31. Người đại diện theo pháp luật.**

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là 01 người và là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo pháp luật thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

b) Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

3. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

## **CHƯƠNG VII. BAN KIỂM SOÁT.**

### **Điều 32. Ban kiểm soát.**

1. Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông.

2. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một (01) ứng cử viên; nắm giữ từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.

4. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm trưởng Ban kiểm soát. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và mọi hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;

5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

c) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty từ Trưởng, Phó Phòng, Xí nghiệp trực thuộc Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

đ) Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

### **Điều 33. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 4 Điều 11 hoặc điểm d khoản 4 Điều 14 quy định tại Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của Luật Doanh nghiệp.

13. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia họp tối thiểu là hai người.

14. Mức thù lao cho trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định .

### **Điều 34. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

0200  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
HÌNH CÔNG  
CH VỤ DƯ  
LÍ PHÒNG  
HỒ HỮU

*Đall 4*

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều lệ này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

### **Điều 35. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Ban kiểm soát**

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 5, Điều 32 quy định tại Điều lệ này;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d) Các trường hợp khác do Luật Doanh nghiệp quy định.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật này và Điều lệ công ty;

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

### **Điều 36. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên.**

1. Kiểm soát viên được trả thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao của Ban kiểm soát;

2. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

## **Chương VIII: TỔ CHỨC BỘ MÁY, TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ**

### **Điều 37. Tổ chức bộ máy**

1. Hệ thống quản lý của Công ty gồm:

a) Ban điều hành Công ty: Tổng Giám đốc; các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng;

b) Các phòng ban chức năng nghiệp vụ;

c) Các Xí nghiệp;

d) Các Đội sản xuất.

2. Hệ thống quản lý Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị và các chức danh lãnh đạo quản lý công ty bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; các Phó tổng giám đốc; Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác được Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết một cách hợp pháp.

### **Điều 38. Cán bộ quản lý**

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng và bố trí cán bộ cần thiết phù hợp với cơ cấu và quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm. Cán bộ quản lý phải có tiêu chuẩn cần thiết để bộ máy tổ chức đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức tiền lương, tiền thù lao và các lợi ích khác của Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định hoặc được quy định trong các Quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

### **Điều 39. Tổng Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Việc tái bổ nhiệm được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.

b) Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ (là cử nhân, kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ...), có kinh nghiệm thực tế là (05) năm trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

Về trình độ lý luận chính trị: Có bằng cử nhân cao cấp lý luận chính trị, trung cấp lý luận chính trị;

c) Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;

d) Tổng giám đốc không được đồng thời làm Tổng giám đốc của các doanh nghiệp khác.

đ) Điều kiện khác theo quy định tại Khoản 3, Điều 65 Luật Doanh nghiệp.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc:

a) Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị phê chuẩn;

b) Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị phê duyệt; ký kết các hợp đồng được phân cấp hoặc được sự ủy quyền bằng văn bản của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

c) Đề nghị Hội đồng quản trị phê duyệt phương án bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng, quyết định mức lương và các quyền lợi khác đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; Trưởng phó các phòng ban; Giám đốc, Phó giám đốc các xí nghiệp, phụ trách kế toán các xí nghiệp của Công ty;

d) Đề nghị Hội đồng quản trị phê duyệt phương án bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động và quyết định lương, lợi ích khác đối với người lao động và cán bộ quản lý khác trong công ty theo Quy chế quản lý nội bộ; Quy chế tuyển dụng lao động; Quy chế tiền lương, tiền thưởng của Công ty;

đ) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị việc tuyển dụng lao động trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh và đảm bảo tiêu chuẩn theo Quy chế của Công ty.

e) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

g) Vào tháng 12 hàng năm. Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính (05) năm tiếp theo;

h) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý của Công ty; kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn hàng năm và hàng tháng của Công ty (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh) cho từng năm tài chính sẽ phải được đề trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

k) Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt: các định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá tiền lương, thưởng và các quy chế quản lý nội bộ, kiểm tra việc thực hiện định mức khối lượng công việc được giao trong nội bộ Công ty;

l) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

m) Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

n) Tổng giám đốc phải điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

4. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Công ty hai lần trở lên hoặc một lần nhưng làm sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của Công ty;

b) Để Công ty thua lỗ trong 02 năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu cổ tức tối thiểu theo mức Đại hội đồng cổ đông thành lập quyết định;

c) Không tổ chức xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm để trình Hội đồng quản trị ban hành, làm cơ sở quản trị điều hành Công ty;

d) Không thực hiện nhiệm vụ trong hợp đồng lao động ký với Hội đồng quản trị. Vi phạm pháp luật bị truy cứu trách nhiệm, tham nhũng tài sản Công ty hoặc thiếu trách

nhiệm dẫn đến gây hậu quả nghiêm trọng cho Công ty;

đ) Quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc thông qua khi có từ 3/5 thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc) và Hội đồng quản trị phải đưa ra lý do miễn nhiệm. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất. Trong trường hợp Tổng giám đốc bị miễn nhiệm Hội đồng quản trị phải công bố bằng văn bản về việc này và đề cử người tạm thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày công bố, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

#### **Điều 40. Thư ký Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một thư ký Hội đồng quản trị với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thư ký vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định pháp luật về lao động hiện hành. Vai trò và nhiệm vụ của thư ký Hội đồng quản trị gồm:

1. Chuẩn bị tài liệu cho các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị .
2. Làm biên bản các cuộc họp.
3. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp.
4. Cung cấp bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát khi có ý kiến đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
5. Thư ký Hội đồng quản trị được nhận thù lao theo công việc của mình, mức thù lao theo quy chế của Công ty quyết định.

Thư ký có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng, trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh của Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của công ty mà họ có thể hưởng thông qua pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc các cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý, gia đình họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính (trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác).

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan đến họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào các cổ phiếu của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

#### **Điều 42. Trách nhiệm về bồi thường thiệt hại.**

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm trách nhiệm cẩn trọng, trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn, gây ảnh hưởng đến lợi ích của công ty sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. Căn cứ vào các hành vi vi phạm, Hội đồng quản trị sẽ đánh giá và quyết định mức độ bồi thường thiệt hại.

#### **Điều 43. Công khai các lợi ích có liên quan**

1. Người quản lý Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty gồm:

a) Thông tin chính của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

b) Thông tin chính của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp hoặc vốn góp trên 35% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1, điều này phải được thực hiện trong thời gian bảy ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Việc kê khai, công khai quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai, công khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

#### **Điều 44. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.**

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;



- b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
- c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

#### **Điều 45. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc**

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:

- a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- đ) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.



2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty sẽ tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

**Điều 46. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc.**

1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

3. Tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

## **CHƯƠNG IX. LAO ĐỘNG VÀ TUYỂN DỤNG**

**Điều 47: Lao động và tuyển dụng**

1. Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động thực hiện theo Bộ Luật lao động; Thỏa ước lao động tập thể và nội dung hợp đồng lao động đã ký giữa Tổng Giám đốc (hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền) với người lao động phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tổng Giám đốc có quyền đề nghị Chủ tịch HĐQT tuyển dụng hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động, theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty và phù hợp với quy định của pháp luật lao động và điều lệ Công ty.

**Điều 48: Tiền lương của người lao động.**

1. Tiền lương và các khoản phụ cấp lương, tiền thưởng đối với người lao động được trả theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động, phù hợp với quy định hiện hành của Bộ Luật lao động và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Người lao động trực tiếp được hưởng mức lương khoán sản phẩm hay khối lượng công việc, Tổng Giám đốc sẽ có quy chế chi trả lương cụ thể cho từng loại công việc, sản phẩm làm ra cho phù hợp và quy chế này được thông qua HĐQT phê duyệt.

3. Người lao động có thành tích trong lao động sản xuất, công tác hoặc có sáng kiến cải tiến kỹ thuật thì được xét hưởng mức thưởng theo quy định.

4. Các chế độ BHXH - BHYT, bảo hộ lao động và các chế độ khác được thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể và các quy chế hoạt động của Công ty.

#### **Điều 49: Trách nhiệm và quyền lợi của người lao động.**

1. Quyền lợi: Người lao động trong công ty cổ phần được hưởng quyền lợi theo quy định của bản Điều lệ này, nội quy lao động và bản thỏa ước lao động tập thể hợp pháp của Công ty đã đăng ký tại cơ quan lao động địa phương theo quy định của pháp luật lao động.

Người lao động được thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tai nạn, Bảo hộ lao động, Bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ: Người lao động phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có nghĩa vụ chấp hành Điều lệ, nội quy lao động, và các quy chế của Công ty có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động. Đối với những người vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, Tổng Giám đốc Công ty có quyền xử lý vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất theo nội quy lao động của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

### **CHƯƠNG X. TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 50: Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

#### **Điều 51: Quyết toán và kế hoạch tài chính**

Hàng năm, sau khi kết thúc năm tài chính, chậm nhất là 04 tháng (bốn tháng) ngày đầu của năm tài chính tiếp theo, Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường kỳ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết toán tài chính cả năm và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính cho năm tiếp theo.

#### **Điều 52: Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải

chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

#### **Điều 53: Phân phối lợi nhuận sau thuế và lập các quỹ phúc lợi**

1. Tổng số lợi nhuận sau khi trừ thuế, bù lỗ (nếu có) và các khoản phải nộp khác là lợi nhuận ròng của Công ty.

2. Việc trích lập và sử dụng các quỹ khác sẽ theo quy định hiện hành của pháp luật và được Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Trên cơ sở hiệu quả sản xuất kinh doanh và đề xuất của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông quyết định mức cổ tức chi trả từ lợi nhuận còn lại của Công ty.

4. Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận hằng năm của Công ty theo quy định.

#### **Điều 54: Xử lý lỗ trong kinh doanh.**

Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định trích từ quỹ dự phòng tài chính để bù đắp hoặc chuyển các khoản lỗ sang năm tài chính tiếp theo..

### **CHƯƠNG XI. TRANH CHẤP, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN**

#### **Điều 55. Giải quyết tranh chấp.**

1. Tranh chấp nội bộ, Công ty có thể được giải quyết trên phương thức tự thỏa thuận nội bộ, nếu không giải quyết được sẽ thông qua cơ quan Pháp luật có thẩm quyền.

2. Tranh chấp bên ngoài, Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tố tụng tranh chấp. Đại diện hợp pháp của Công ty sẽ đại diện cho Công ty trước pháp luật.

#### **Điều 56. Giải thể Công ty**

Công ty cổ phần Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng chỉ giải thể trong các trường hợp sau:

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể, chia, tách, sáp nhập hoặc hợp nhất.
2. Quyết định của Tòa án đình chỉ hoạt động.
3. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

#### **Điều 57. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội

đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

#### **Điều 58. Phá sản**

Việc phá sản Công ty thực hiện theo thủ tục của pháp luật về phá sản Doanh nghiệp.

### **CHƯƠNG XII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC**

#### **Điều 59: Điều khoản thi hành**

Công ty chính thức thành lập và hoạt động sau khi hoàn tất các thủ tục sau đây.

1. Xác nhận danh sách các cổ đông đã mua hết số cổ phần phát hành và nộp đủ số vốn tương ứng.
2. Đại hội đồng cổ đông thành lập đã phê chuẩn bản Điều lệ này.
3. Đã bầu được Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc một cách hợp pháp, hợp lệ.
4. Việc quản lý Công đã được giao cho Hội đồng quản trị.
5. Đã hoàn tất mọi thủ tục thành lập Công ty và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng.

#### **Điều 60: Con dấu**

1. Con dấu của Công ty được khắc theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015.

1.1. Mẫu con dấu:

- Hình thức: Hình tròn
- Kích cỡ: Đường kính con dấu = 36mm

- Nội dung: Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng, mã số doanh nghiệp, địa giới hành chính: Q.Đồ Sơn, TP Hải phòng.

Màu con dấu: Màu đỏ

1.2. Số lượng con dấu: 01 con dấu

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty sử dụng và quản lý con dấu theo quy định hiện hành của Nhà nước.

### **Điều 61: Tuân thủ pháp luật**

Những nội dung không được ghi trong bản Điều lệ này sẽ được thực hiện theo Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

### **Điều 62: Báo cáo hàng năm**

1. Khi kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo về tài liệu sau đây:

- a. Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính;
- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý và điều hành Công ty;
- d. Báo cáo giám sát tài chính;
- e. Báo cáo khác theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Đối với báo cáo tài chính hằng năm của Công ty cổ phần phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

3. Các báo cáo và tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

4. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và chi nhánh chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 63: Công khai thông tin về Công ty cổ phần**

1. Công ty cổ phần phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và các báo cáo đánh giá giám sát khác theo quy định đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

2. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hằng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông.

3. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem xét hoặc sao chép báo cáo tài chính hằng năm của Công ty cổ phần tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

## **Điều 64: Giải quyết tranh chấp**

1. Công ty cổ phần Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tố tụng, tranh chấp.

2. Các thành viên trong Công ty có các hành vi vi phạm Điều lệ Công ty đều bị xử lý. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, người có hành vi vi phạm các quy định của bản Điều lệ này sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc chuyển đến tòa án các cấp xét xử theo luật định.

3. Mọi cổ đông có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra. Nếu HĐQT bỏ qua, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

## **Điều 65: Hiệu lực của Điều lệ**

1. Bản Điều lệ này gồm mười hai (12) Chương, sáu mươi lăm (65) Điều được lập thành 10 (mười) bản có giá trị như nhau và được phiên họp Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng thông qua ngày 28/10/2015 tại Hải Phòng và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của Thành phố  
b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của UBND Thành phố Hải Phòng;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

5. Các nội dung không được quy định trong Điều lệ này hoặc khi pháp luật có sự thay đổi dẫn đến các quy định của Pháp luật và Điều lệ này mâu thuẫn nhau, sẽ thực hiện việc áp dụng theo quy định của Pháp luật hiện hành. /.

**CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CÔNG TY CỔ PHẦN CTCC VÀ DVDL HẢI PHÒNG**



**Hoàng Đăng Hưng**